

# MẶT TRĂNG TRONG DI SẢN VĂN HÓA CỦA CƯ DÂN VÙNG BIỂN

75

VÕ HOÀNG LAN\*

## TÓM TẮT

Người Việt hiếm khi “đặt” mặt trăng nguyên mẫu lên thân điện của mình, mà thường thờ phụng thiên thể này trong hình thức đã được nhân hóa hay biểu tượng hóa. Thông qua đó, chúng tôi sẽ tìm hiểu tục thờ mặt trăng của cư dân vùng biển trong tư cách là một di sản của nền văn hóa biển Việt Nam, từ đó có thể hình dung được phần nào thế ứng xử với biển của người Việt trong lịch sử.

**Từ khóa:** mặt trăng; biểu tượng mặt trăng; nhân hóa.

## ABSTRACT

Viet people rarely put original moon to their altar, but worship this object as personalised or symbolised ones. The author discovers the worship of moon of maritime residents as a heritage element of Vietnam's maritime culture, and sees how Viet people behave with the sea in history.

**Key words:** moon; moon symbol; personalisation.

### 1. Đặt vấn đề

Nếu căn cứ vào truyền thuyết “Bọc trăm trứng” - huyền thoại khởi nguyên luận của người Việt - thì tộc người này đã tiến ra biển từ rất sớm. Tuy nhiên, khi tiếp xúc với biển khơi đầy mới mẻ và lạ lẫm, trước không gian bao la ẩn chứa nhiều đe dọa, người Việt đã không hoàn toàn trút bỏ được tâm thế “nông dân châu thổ” khi ứng xử với môi trường mới này. Một mặt, họ tiếp tục “quai đê lấn biển”, rồi “thau chua rửa mặn” để mở rộng những ruộng “lúa nước tại chỗ” (nước mưa) của mình ra đến tận vùng duyên hải. Mặt khác, do những điều kiện địa lý tự nhiên quy định, và cũng do bản tính/truyền thống luôn biết “thích nghi tối đa và tối ưu” với môi trường tự nhiên, họ bắt đầu khai thác một phần tài nguyên biển phục vụ cho sự sinh tồn của mình, bằng nghề đánh bắt hải sản.

So với vùng châu thổ đầm lầy, biển cả là môi trường kiếm sống có nhiều bất trắc hơn, với những tai ương luôn rình rập, đe dọa mạng sống của mỗi ngư dân khi họ giao phó tính mạng mình cho những con thuyền lênh đênh trên sóng biển. Do vậy, để có thể thích nghi/tồn tại được ở nơi đây, trong hoàn cảnh mà phương tiện kỹ thuật đi biển còn nhiều hạn chế, không có cách nào khác, người ta phải tự trang bị cho mình những tri thức về môi

trường biển, trong đó, việc nắm được quy luật lên xuống của nước biển (thủy triều, các con nước...) chính là một điều kiện tiên quyết giúp họ vật lộn được với sóng gió biển khơi. Theo nghiên cứu của khoa học hiện đại, ngày nay chúng ta đã biết rằng, do sự/lực tương tác hấp dẫn giữa mặt trời, mặt trăng và trái đất, trong quá trình vận động của trái đất và mặt trăng, mà xuất hiện hiện tượng mực nước ở bờ biển trong một ngày lên cao hay xuống thấp khác nhau, đó chính là thủy triều. Mực nước biển không chỉ biến đổi trong một ngày, mà giữa các ngày, các tháng hay các mùa cũng có sự biến đổi, không giống nhau... Và, thiên thể có ảnh hưởng nhiều nhất đến những hiện tượng đó ở trái đất chính là mặt trăng. Những ngư dân Việt xưa, chỉ bằng vào sự quan sát trực tiếp các hiện tượng tự nhiên có liên quan trên bầu trời (mặt trời, mặt trăng, các vì tinh tú, mây, gió...), mà họ cũng đã nhận thức được một điều quan trọng: chu kỳ tròn, khuyết của mặt trăng cũng ảnh hưởng và tương ứng với chu kỳ biến động của mực nước biển, nên người ta đã dựa vào đó để tính được lịch con nước<sup>1</sup>, một loại lịch tối quan trọng với cư dân vùng biển, bởi mọi hoạt động làm ăn của người dân biển đều phải dựa vào lịch này. Và, có lẽ, cũng từ sự quan sát đó mà người ta cho rằng, mặt trăng chi phối tới mực nước triều, có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của họ.

\* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

Nhưng, trước một môi trường kiếm sống nhiều thách thức như biển khơi, khó có thể khẳng định được điều gì ngay cả khi con người có đầy đủ tri thức khoa học và phương tiện công nghệ hiện đại như hiện nay, nên đối với ngư dân Việt trong quá khứ, việc họ chưa đủ sức làm chủ điều kiện sống và lao động của mình ở vùng biển, là một thực tế không thể phủ nhận. Do vậy, những tri thức mà họ có được trong quá trình vật lộn với thiên nhiên, từ những trải nghiệm thấm đẫm mồ hôi và cả mạng sống của không biết bao nhiêu thế hệ ngư dân, cùng với việc chế tạo, cải tiến những phương tiện khai thác hải sản (như thuyền bè, các dụng cụ đánh bắt, như lưới, câu...), hình như cũng chưa đủ để đem lại cho họ một cuộc sống no ấm, bình yên như ý. Thêm vào đó, đứng trước sự bao la, hùng vĩ của biển cả, cùng với những bí ẩn mà người ta chưa nhận biết và lý giải được, con người không khỏi cảm thấy bé nhỏ, nên để có thể "tự tin" khai thác "biển bạc", người ta cần phải tìm tới một cách giải thích nào đó để có thể xoa dịu và trấn an được tinh thần. Và, cũng như bất kỳ tộc người nào trong xã hội cổ truyền, trong bối cảnh ấy, cách giải thích mà con người cần chỉ có thể được tìm thấy ở tín ngưỡng, với trước hết là tư duy "vạn vật hữu linh" - tư duy phổ biến ở hầu hết mọi tộc người từ thời nguyên thủy. Từ đó, người ta tin rằng, họ có thể giao tiếp được với lực lượng siêu nhiên, "nhờ vả" hoặc cả "thương lượng" để có thể "trao đổi" được với lực lượng ấy, nhằm mang lại lợi ích cho mình (?). Thực tế đời sống tín ngưỡng rất phong phú của ngư dân vùng biển Việt Nam, suốt từ Bắc vào đến Nam, với nhiều đối tượng thờ cúng khác nhau, với những lễ thức, kiêng kỵ... diễn ra trong cả năm, đã giúp chúng ta hiểu được một nguyên nhân quan trọng về sự ra đời của tôn giáo, tín ngưỡng trong lịch sử loài người, đó là để trấn an tinh thần con người trước những điều còn "bất khả tri" về môi trường sinh thái tự nhiên, nhưng lại có ảnh hưởng/chi phối trực tiếp đến cuộc sống của họ. Nếu chấp nhận quan điểm này thì cũng có thể cho rằng, với ngư dân Việt, từ việc "trông trăng" để tìm hiểu những quy luật biến đổi của nước biển nhằm phục vụ thiết thực cho cuộc mưu sinh đầy gian truân của mình, đến việc tôn thờ mặt trăng trên nền tảng quan niệm "vạn vật hữu linh" là một bước đi hợp lý của tư duy dân gian. Tuy nhiên, là một tộc người đã có trình độ tổ chức xã hội rõ rệt, nên người Việt hiếm khi "đặt" mặt trăng nguyên mẫu lên thần điện của mình, mà thường thờ phụng thiên thể này trong hình thức đã được nhân hóa hay biểu tượng hóa.

Do vậy, việc tìm hiểu tục thờ mặt trăng của cư dân vùng biển sẽ là một công việc không dễ dàng nhưng đầy thú vị, và, chúng tôi cho rằng, bài viết này mới là một tiếp cận bước đầu cho những nghiên cứu đầy đủ hơn trong tương lai, nếu như chúng tôi có điều kiện được quay trở lại đề tài này.

## 2. Những biểu hiện của sự thờ phụng mặt trăng của cư dân vùng biển

Trước hết, có thể khẳng định rằng, cũng như mặt trời và các lực lượng tự nhiên khác (như đất, nước...), mặt trăng có một vị trí đặc biệt trong đời sống tâm linh của mọi tộc người trên thế giới từ thời nguyên thủy/cổ đại cho đến nay, nhưng với mỗi tộc người, tùy thuộc vào môi trường sinh thái của không gian cư trú và phương thức khai thác tự nhiên để kiếm sống, lại có một ý niệm về mặt trăng khác nhau (?). Với người Việt ở châu thổ sông Hồng, mặt trăng tượng trưng cho yếu tố âm, cũng gắn với ước vọng cầu phồn thực để người và vật đều sinh sôi nảy nở, ước vọng truyền đời của cư dân nông nghiệp. Sự tôn thờ mặt trăng của người nông dân châu thổ sông Hồng được thể hiện qua linh vật hổ phù - một linh vật rất quen thuộc trong các kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng cổ truyền và đồ thờ của người Việt<sup>2</sup>, hay cả ở trò diễn múa sư tử trong các lễ hội - một trò diễn được cho là gắn với việc cầu mưa và cầu được mùa. Đầu sư tử được tạo hình khá lớn, có bộ mặt gần giống với mặt hổ phù, một con vật có nguồn gốc từ quỷ Rahu thuộc văn hóa Ấn Độ. Theo thần thoại Ấn Độ, do tranh giành thuốc trường sinh mà quỷ Rahu mang mối thù không nguôi đối với thần Suria (Mặt trời) và Chandra (Mặt trăng), để trả thù nó luôn tìm cách nuốt 2 vị thần này nên xảy ra hiện tượng nhật thực và nguyệt thực<sup>3</sup>. Đối với người Việt và nhiều cư dân Đông Nam Á khác, thì nhật thực hay nguyệt thực luôn là những "điềm báo" cho vận mệnh của cả cộng đồng: hiện tượng nguyệt thực toàn phần là điềm báo trước của nạn đói, chiến tranh... , còn hiện tượng nguyệt thực một phần lại là dấu hiệu của sự no ấm được mùa. Họ cũng tin rằng, nguyệt thực một phần là do hổ phù phải nhả mặt trăng ra, nên trước đây, mỗi khi xảy ra nguyệt thực, mà dân gian thường gọi là "gấu ăn trăng", người ta thường la hét hoặc khua trống chiêng, nổi xoong ầm ĩ để gấu phải nhả mặt trăng ra. Có thể hình ảnh quái vật hổ phù đang nhả mặt trăng ra đã gợi ý cho các nghệ nhân dân gian về điệu múa sư tử, bởi đầu sư tử rất gần với đầu hổ phù khởi nguyên, môi dưới của nó được coi là mặt trăng. Sự vận động của nó (múa lượn theo nhịp trống) tạo nên sinh lực vũ trụ (tượng trưng bằng đuôi đỏ). Trong múa sư tử có trống - tượng cho sấm, có đèn ông sao-

tượng cho bầu trời, có đèn thiềm thừ (cóc) tượng cho cầu mưa, có một thanh niên múa quả lồi - tượng cho chớp, có ông địa mặt tròn tươi cười - tượng cho đất đai đang đón nước mưa để trở nên phì nhiêu, tạo nguồn sinh sôi.

Khác với những cư dân trong đồng, người Việt vùng ven biển lại nhìn thấy ở mặt trăng những biến động lên, xuống của nước biển, bằng quan sát trực tiếp, họ nhận thấy, vào thời điểm trăng tròn hay khuyết thì nước biển cũng đầy hay cạn theo các thời điểm khác nhau, và, đây chính là một "chỉ báo" để họ quyết định việc "ra khơi vào lộng" của mình. Đối với người đi biển, ngày sinh nước (là ngày bắt đầu một chu kỳ con nước mới, thường vào

ngày này thì nước cạn) là ngày rất đặc biệt, linh thiêng<sup>4</sup>. Đây lại luôn là những ngày lẻ, ngày trăng khuyết, nên có thể vì vậy, mà hình ảnh trăng khuyết như hình lưỡi liềm chính là hình tượng thiêng liêng và ấn tượng nhất của mặt trăng, đối với người ngư dân? Hình tượng này vừa thiêng liêng, lại vừa quen thuộc, vì đó là hình dáng của mặt trăng mà người ta thường nhìn thấy hàng đêm trên bầu trời, và, cũng bởi trong 1 tháng, số ngày trăng tròn mà con người quan sát được là rất ít. Thế nên, có thể nói, từ cơ sở thực tiễn và quan niệm có phần "duy tâm" này, bằng tư duy liên tưởng mà ngư dân Việt xưa đã nhìn thấy ở hình ảnh trăng lưỡi liềm, một linh vật có thể che chở và mang lại may mắn cho họ giữa sóng gió biển khơi. Tín niệm này đã được họ thể hiện bằng nhiều cách khác nhau, trong cả đời sống vật chất và tinh thần. Với ý thức để những chuyến ra khơi luôn được phù hộ cho "xuôi chèo mát mái" rồi cập bến an toàn



"Hai nửa vầng trăng" (biểu tượng của trăng thượng huyền và hạ huyền) -

Ảnh: Quốc Vụ

với đầy ắp cá tôm, người ta đã tái hiện hình ảnh trăng lưỡi liềm trên các bè mảng hay con thuyền - một phương tiện tối quan trọng của người vùng biển. Tuy không cùng là một bộ phận mang chức năng giống nhau, nhưng sự hiện diện của hình tượng này trên mảng của người Sầm Sơn (Thanh Hóa), hay trên lô mũi thuyền của người Cù lao Chàm (Hội An, Quảng Nam)..., đều cho chúng ta thấy được ý nghĩa mà nó mang chở. Trong quá khứ, ở vùng biển Sầm Sơn, dân đi nghề cá chủ yếu bằng mảng, và, giá gác mái chèo ở trên mảng luôn mang hình dáng của mặt trăng lưỡi liềm. Còn ở Cù lao Chàm, cho đến tận cuối những năm 90 thế kỷ trước, trong một lần được may mắn ra đảo, chúng tôi vẫn thấy trên lô mũi các con thuyền của ngư dân vùng này có hình trăng lưỡi liềm. Những người dân đảo được hỏi đã không thể cho chúng tôi biết về ý nghĩa sâu xa của hình ảnh này, hay giá trị sử dụng của nó,

nhưng họ vẫn khẳng định rằng, mặc dù đây là bộ phận không có một chức năng cụ thể gì nhưng dút khoát con thuyền nào cũng phải có, và, hiện tượng này đã tồn tại từ xưa tới nay. Họ cũng cho rằng, đây không phải là hình ảnh để trang trí cho thuyền... Qua một vài “mảnh ghép” còn sót lại như vậy, chúng tôi thử đưa ra một giả thiết để làm việc như sau: việc tái hiện hình trăng lưỡi liềm trên mảng hay thuyền của dân vùng biển đã cho thấy niềm tin của họ vào tinh cầu này, nên họ muốn hình tượng của tinh cầu ấy luôn ở bên cạnh để có thể che chở, phù hộ cho họ, nhờ vậy mà họ giữ vững được tinh thần trong những chuyến ra khơi vào lộng đầy bất trắc, tiếp thêm sức mạnh để họ vượt qua được nỗi sợ hãi trước những cơn cuồng nộ của biển khơi, để họ vẫn “vững tay chèo” sau khi chứng kiến một hay nhiều đồng nghiệp đã không may trở thành vật tế thần biển... Chúng tôi cho rằng, trong nhiều trường hợp, chính những sức mạnh tinh thần như vậy đã giúp cho con người ta không dễ gục ngã trước những trở ngại của ngoại cảnh, nhất là ngoại cảnh có phần khắc nghiệt như môi trường sinh thái tự nhiên ở các vùng biển nước ta, trong bối cảnh mà trình độ khai thác biển của ngư dân Việt trong lịch sử vẫn còn nhiều hạn chế, với các phương tiện khai thác và kỹ thuật đánh bắt còn mang tính thủ công. Đồng thời, việc tái hiện hình ảnh trăng lưỡi liềm trên thuyền hay mảng của ngư dân cũng phần nào hé lộ cho chúng ta về thế ứng xử của người Việt với biển: con người muốn “hòa” vào thiên nhiên, vũ trụ để tồn tại. Có thể nói rằng, việc tạo hình mặt trăng lưỡi liềm trên thuyền cũng là một cách để người ta “giao tiếp” với các thế lực siêu nhiên, qua đó thể hiện sự “đồng nhất” giữa mình và tự nhiên (thông qua hình tượng “giống nhau” về mặt hình thức và có liên hệ với nhau về mặt bản chất, ý nghĩa). Từ sự “đồng nhất” ấy mà người ta tin tưởng rằng, thiên nhiên sẽ bớt có “thái độ” thù địch với mình, nhờ vậy mà cuộc sống của họ sẽ được đảm bảo hơn (?).

Trong đời sống tâm linh, ngư dân Việt xưa đã thể hiện sự tôn thờ mặt trăng dưới nhiều hình thức khác nhau, mà trong đó, hội chọi trâu Đồ Sơn (Hải Phòng) chính là một trong không nhiều lễ thức/trò diễn trực tiếp nói về mối quan hệ giữa thiên thể này và thủy triều, thông qua các biểu tượng và huyền thoại. Cũng giống như việc lựa chọn lễ vật trong bất kỳ lễ hội nào, việc chọn trâu chọi là rất công phu, với nhiều kiêng kỵ trong quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc, ngoài những tiêu chuẩn, như: “cổ cò, đít nhọn, lưng tôm bà, đuôi cá chai”, “trường đuôi, ngắn quăn, vén đuôi nai”... thì dút khoát đó phải là

một con trâu đen tuyền, vai và hông trâu phải có khoáy, những khoáy này có liên quan đến bầu trời, sấm sét, sừng trâu cong vừa phải, trông giống mảnh trăng lưỡi liềm. Sự lựa chọn này đã biểu hiện nhận thức của cư dân ven biển về mối liên quan giữa mặt trăng và thủy triều: “Hình sừng trâu gợi lên hình ảnh trăng lưỡi liềm và được dùng làm biểu tượng của trăng. Một huyền thoại của miền ven biển Việt Nam được ghi lại từ thế kỷ VI trong sách *Thủy kinh chú* chép rằng: “Huyện Câu Lậu ở Giao Chỉ có giống tiềm thủy ngư (trâu ở ngầm đáy nước) chúng thường lên bờ chọi nhau, bao giờ sừng mềm ra lại nhảy xuống nước, sừng trâu sẽ cứng lại rồi chúng lại lên bờ chọi nhau tiếp. Đó là báo hiệu của ngày con nước theo lịch trăng: Trăng với thủy triều và giống trâu nước có liên quan về thời tiết”<sup>5</sup>. Như vậy, hình ảnh hai con trâu chọi nhau mặt nào như phản ánh sự vận động của con nước triều, và, trò diễn/lễ thức này chính “là tàn dư xa xôi của lễ hội thờ trăng”<sup>6</sup> của cư dân ven biển. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể bắt gặp trò diễn này trong những lễ hội của cư dân nội đồng, như ở Lập Thạch (Vĩnh Phúc)... Trong trường hợp này, mặc dù vẫn là sự sùng tín mặt trăng, nhưng chọi trâu không còn gắn với thủy triều nữa, mà đã mang tính chất nông nghiệp, với ý nghĩa “con trâu là đầu cơ nghiệp” và ánh trăng thanh mát như cầu cho sự sinh sôi. Lúc này, người nông dân tin rằng, chọi trâu là một cách “nhắc nhở” thần linh, nhất là mặt trăng, ban phúc cho con người, bởi “chọi trâu hằng năm là để tái vận hành và tiếp sức sinh sôi nguồn xung lực, sinh lực của trời - đất - con người...”<sup>7</sup>.

Trong quan sát của người Việt cũng như nhiều tộc người trên thế giới, mặt trăng thường chỉ tròn có 2, 3 ngày trong tháng, những ngày còn lại từ vị trí của mình trên mặt đất, bao giờ người ta cũng chỉ nhìn thấy 1 phần của mặt trăng mà thôi, nên họ cho rằng, đó là những ngày mặt trăng bị “khuyết”, bởi vậy, trong tín ngưỡng và nghệ thuật tạo hình, những hình tượng về linh vật có cơ thể thiếu thốn (khuyết) thường liên quan tới mặt trăng hoặc mang tính biểu tượng của mặt trăng. Như vậy, có thể nói, thần Độc Cước chính là một hình tượng được nhân hóa rõ rệt nhất của mặt trăng: thân hình của ngài chỉ có một nửa bố dọc, với một chân, tướng mạo dữ dằn, mặc quần áo võ tướng, nửa bên kia mây phủ trọn vẹn. Do mặt trăng có liên quan chặt chẽ với thủy triều, nên thần Độc Cước được dân hạ bạn thờ phụng nhiều ở hải đảo và ven biển phía Bắc nước ta, mà một điểm tập trung là ngôi đền thờ thần Độc Cước tại thị xã Sầm Sơn



(Thanh Hóa), cũng có thể nói, đây tạm được coi là nơi “phát tích” của tục thờ này. Theo truyền thuyết, để có thể chiến đấu và diệt trừ được tay chân của chúa biển phương Bắc ở cả trên cạn lẫn dưới nước, tráng sĩ đã phải xẻ thân làm đôi, với “một nửa thân chẵn giữ ngoài biển, một nửa thân chẵn giữ trên đất liền”. Nhờ vậy mà cuộc sống của dân làng (nửa vẫn làm nông nghiệp, nửa là ngư dân) ở Sầm Sơn đã được bình yên, và họ đã lập đền thờ ngài ở ngay trên đỉnh núi<sup>8</sup>. Đây là một ngôi đền cổ, mang phong cách nghệ thuật điển hình của nửa cuối thế kỷ XVII, đền quay hướng ra bãi biển như thể hiện mong muốn của dân vạn chài luôn nhận được sự quan tâm của thần trong những chuyến ra khơi vào lộng của mình. Người dân địa phương tin rằng, oai linh của thần Độc Cước ở trên đền sẽ đủ sức che chở cho họ, cùng với hình trăng trên mảng như một đảm bảo (về mặt tinh thần) cho những chuyến đi biển luôn được bình yên và đầy ắp cá tôm. Có thể nói rằng, qua tục thờ thần Độc Cước của người Việt, một vị thần “giáng sinh” từ chính môi trường sinh thái vùng ven biển, trước những nhu cầu/đòi hỏi rất thực tế của cư dân nơi đây (vừa muốn được che chở an toàn trong những chuyến đi biển, lại cũng muốn được phù hộ cả ở trên đất liền, bởi việc lên xuống của nước biển cũng có ảnh hưởng tới nhiều hoạt động khác như trồng lúa, hay việc làm muối, tiêu lủ chống úng...), đã cho thấy, trong những xã hội tiền công nghiệp, điều kiện tự nhiên của môi trường sống đã “quy định” chức năng của vị thần mà cộng đồng cư trú ở không gian ấy thờ phụng. Đồng thời, điều đó cũng chứng tỏ rằng, cộng đồng người Việt vùng ven biển đã tìm được cách ứng xử phù hợp với môi trường cư trú để tồn tại, tức là họ đã tìm được cách khai thác biển phù hợp nhất trong điều kiện kỹ thuật của họ lúc đó cho phép. Nên lúc này cũng có thể nói rằng, với sự thờ phụng thần Độc Cước, bên cạnh các thần linh khác, chủ quyền của người Việt ở vùng ven biển đã được khẳng định, bởi họ đã xây dựng thành công không gian xã hội Việt ở một khu vực địa lý cụ thể (theo GS. Trần Quốc Vượng thì không gian xã hội của một tộc người bao hàm cả không gian thực, tức không gian sống và không gian ảo trong huyền thoại, huyền tích, đời sống tâm linh...).

### 3. Tạm kết

Những biểu hiện còn sót lại về tục thờ mặt trăng của cư dân Việt vùng ven biển đã cho thấy, chính điều kiện môi trường sinh thái tự nhiên là một yếu tố quan trọng chi phối đời sống tâm linh của mỗi tộc người, và, thần linh của mỗi cộng đồng sẽ là

tấm gương phản ánh trung thực đời sống thực tiễn và ước mơ thăng hoa từ chính cuộc sống ấy của họ. Tất nhiên, mặt trăng không phải là đối tượng duy nhất được cư dân biển tôn thờ, nhưng thái độ coi trọng mặt trăng trong quan hệ với thủy triều, con nước..., cho thấy họ đã tìm được cách thích nghi với tự nhiên để khẳng định sự tồn tại của bản thân trước không gian bao la của biển cả. Tiến ra biển chỉ bằng sự quan sát, trải nghiệm và tích lũy kinh nghiệm, nhưng người Việt trong lịch sử đã tìm cách trang bị cho mình những tri thức cần thiết để có thể thích ứng được với môi trường đầy hứa hẹn nhưng cũng nhiều thách thức này. Và, trong bối cảnh ngày hôm nay, chúng tôi cho rằng, các tri thức đó vẫn còn có những giá trị nhất định, không chỉ về mặt văn hóa tinh thần./.

V.H.L

#### Chú thích:

1- Là loại lịch cho biết về chu kỳ biến động của mực nước biển cụ thể cho từng tháng Âm lịch trong năm. Và, tùy vào điều kiện tự nhiên, khí hậu... của từng vùng biển nhất định mà mỗi địa phương có một lịch con nước riêng, nhưng nói chung các lịch này đều được thể hiện bằng dạng văn vần, để dễ nhớ và dễ lưu truyền. “Một chu kỳ biến động của mực nước - từ lúc nước biển rút xuống đến mức tối đa, cho tới lúc nước biển lên cao tới mức tối đa - kéo dài 15 ngày và được gọi là một con nước. Hết chu kỳ ấy, một chu kỳ khác được lặp lại, nhưng thời gian nước lên xuống trái ngược lại, so với trong chu kỳ tiếp sát trước. Như vậy, mỗi tháng có hai con nước. Hàng ngày, nước lên hay nước xuống hoàn toàn ăn khớp với trăng tròn hay trăng khuyết ở trên trời. Cũng như tuần trăng, thời gian nước lên hay xuống của con nước, nửa sau một tháng trái ngược với thời gian nước lên hay thời gian nước xuống của con nước nửa đầu tháng” (Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian, 2000, *Văn hóa dân gian làng ven biển*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 391).

2- Trần Lâm Biền - Trịnh Sinh (2011), *Thế giới biểu tượng trong di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, tr. 267 - 269.

3- Cao Huy Đình (2003), *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 134.

4- Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian (2000), *Sđđ*, tr. 393.

5- Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, tr. 348.

6- Trần Quốc Vượng (2000), *Sđđ*, tr. 349.

7- Trần Quốc Vượng (2000), *Sđđ*, tr. 349.

8- Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 5, “Truyền thuyết dân gian người Việt”, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 720 - 722.

(Ngày nhận bài: 09/11/2014; Ngày phản biện đánh giá: 23/12/2014; Ngày duyệt đăng bài: 09/01/2015).